



Số: 01/VTHT – KTTKTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2018

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Tên tổ chức niêm yết:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Mã chứng khoán:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Website:

Vốn điều lệ:

Ngành nghề kinh doanh:

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

VẬN TẢI HÀ TIÊN

HTV

296 Trần Nãi, P.Bình An, Quận 2, TP.HCM

08. 3.740.4061 – Fax: 08. 3740.4062

info@vantaihatien.com.vn

www.vantaihatien.com.vn

131.040.000.000 VND

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 - Số 0301975289 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Giấy CNĐKKD:

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Việc thành lập:

Công ty CP Vận tải Hà Tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Xi măng Hà Tiên 1.

1.2 Chuyển đổi sở hữu:

Theo quyết định số 24/2000/QĐ – TTg ngày 21/01/2000 của Thủ Tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được đổi tên thành Công ty CP Vận tải Hà Tiên trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Vào ngày 07/04/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Vào ngày 24/04/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.
- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.
- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.
- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 08 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Cấp thay đổi lần sáu vào ngày 01/12/2015, tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 131.040.000.000 đồng.

1.3 Niêm yết:

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.
- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 14/9/2015 UBCK NN có thông báo chấp thuận cho Công ty được phát hành 3.024.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngày 05/11/2015 Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM có thông báo số 1086/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 3.024.000 cổ phần phát hành....

2 . Quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ...Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018:

Năm 2018 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới khi một số nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ... đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng.

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát trong nước.

- Trước những khó khăn trên, năm 2018 nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, các thuyền viên, thủy thủ. Ban Tổng Giám đốc Công ty ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.
- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thủy một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan cũ, không phù hợp và đầu tư đóng mới một số sà lan có tải trọng lớn phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài
- Trong năm 2018, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 5.246.800 Tấn/ năm, tăng 1.148.799 tấn so với năm 2017.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các mớ nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2018 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1 Những nét nổi bật năm 2017:

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2017 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2017.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó không ngừng tự đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Ban hành quy chế: “*Điều chỉnh bổ sung Quy chế quản lý tài chính*”
- Ngoài năng suất, chất lượng hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm thời gian chạy tàu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng Quản trị quan tâm, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Vận tải Hà Tiên.
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty.

2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017:

Năm 2017 tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao. Giá nhiên liệu luôn biến động làm ảnh hưởng tới giá thành vận chuyển. Mức tăng trưởng ngành vật liệu xây dựng không như kỳ vọng. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau:

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tốt vòng quay phương tiện, tăng doanh thu & đảm bảo đời sống CB-CNV.
- Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên, Xi măng Holcim...đảm bảo giữ uy tín, chất lượng dịch vụ và tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.
- Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.
- Trong năm 2017, Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2017	TH NĂM 2017	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Đ	213.915.983.170	189.356.998.200	88.52
2	LN từ hoạt động kinh doanh	Đ	30.600.436.530	25.989.204.752	84.93
3	LN từ hoạt động khác	Đ	-	569.733.713	-
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đ	30.600.436.530	26.558.938.465	86.79
5	Thuế TNDN hiện hành	Đ	5.886.084.523	5.193.724.021	88.23
6	Thuế TNDN hoãn lại	Đ	346.802.783	346.802.783	100.00
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đ	24.367.549.224	21.018.411.661	86.26
8	Chi trả cổ tức	%	12	12	100.00

+ Trong điều kiện thị trường cạnh tranh, nhất là về giá vận chuyển từ khối tư nhân. Đây là thách thức và áp lực thường xuyên mà Công ty phải đối mặt.

+ Về việc chi trả cổ tức, Công ty đang chờ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 với mức dự kiến 12%.

3 Định hướng nhiệm vụ năm 2018:

Năm 2018 là năm được dự báo là môi trường kinh tế thế giới có nhiều bất ổn hơn năm 2017, trong khi kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn.

GDP trong nước dự kiến tăng trưởng 6.8% trong 2018, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 10%.

Theo dự báo của cơ quan năng lượng Hoa Kỳ, giá dầu thô trong năm 2018 sẽ tăng khoảng 6.0% so với 2017. Đây là một trong những bất lợi chính đối với vận tải thủy nội địa phía Nam bên cạnh sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị vận tải khi nguồn hàng vận chuyển dự kiến tăng không đáng kể.

Trước những khó khăn trên, nhằm tiếp tục phát triển, duy trì ổn định công ăn việc làm cho người lao động, mục tiêu của Công ty là:

- Ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, quản lý công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới.
- Đề khai thác các phương tiện hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, đưa các sà lan có tải trọng, mớn nước phù hợp nhất với tuyến đường vận chuyển.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp cần thiết: đẩy nhanh tiến độ giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường khi phương tiện công ty không đáp ứng yêu cầu...
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

Dù nhiệm vụ trước mắt còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2018 với mục tiêu dự kiến như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	TỶ LỆ% SO VỚI TH NĂM 2017
1	Sản lượng	Tấn	4.098.001	5.246.800	128.03
2	Doanh thu	Đ	189.356.998.200	212.003.284.325	111.96
3	Lợi nhuận trước thuế	-	26.558.938.465	30.043.140.083	113.12
4	Lợi nhuận sau thuế	-	21.018.411.661	24.034.512.066	114.35
5	Tỷ lệ cổ tức	%	12	15	125.00

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1 Báo cáo tình hình tài chính:

Kết quả tài chính năm 2017 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2017
1	Vốn điều lệ	Đồng	131.040.000.000	131.040.000.000

2	Sản lượng	Tấn	4.077.178	4.098.001
3	Tổng doanh thu	Đồng	191.993.808.371	189.356.998.200
4	Giá vốn hàng bán	-	146.390.411.573	144.036.748.026
5	Lợi nhuận trước thuế	-	28.563.285.966	26.558.938.465
6	Thuế TNDN hiện hành	-	6.284.286.313	5.193.724.021
7	Lợi nhuận sau thuế	-	22.625.802.436	21.018.411.661
8	LN trước thuế / DT thuần	%	15.34	14.66
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	-	8.99	8.28
10	LN trước thuế / tổng tài sản	-	8.05	7.04
11	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	82.89	54.73
12	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	-	17.11	45.27
13	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	-	10.50	15.01
14	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	-	89.50	84.99
15	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	-	11.74	17.67
16	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	7.88	3.63

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với thực hiện năm 2017:

- Sản lượng đạt 4.098.001 tấn đạt 100.51% , tăng 0.51% so với năm 2016.
- Tổng doanh thu đạt 189.356.998.200 đồng tương ứng giảm 1.38% so với năm 2016.
- Công ty đã và đang làm tốt công tác tiếp thị tìm kiếm nguồn hàng mới, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống.
- Tăng cường công tác quản lý, điều động phương tiện, giám sát chặt chẽ việc giao nhận hàng hóa.
- Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa phương tiện với thời gian nhanh nhất có thể.

Nhìn chung, năm 2017 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Ban Giám đốc Công ty đã luôn bám sát, có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để bảo đảm ổn định thu nhập cho người lao động, từng bước kiện toàn bộ máy hoạt động SXKD của công ty.

2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, giá dầu DO có xu hướng tăng cao trong khi sự cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải thủy nội địa khu vực phía Nam ngày càng gay gắt, nguồn hàng chính từ Xi măng Hà Tiên 1 ngày càng ít đi so với các năm trước, kế hoạch 2017 đặt ra các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng	: 5.246.800 tấn
- Tổng doanh thu	: 212.003.284.325 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 30.043.140.083 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 24.034.512.066 đồng

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành:

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2017.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2017 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Ý kiến của cơ quan kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt nắm giữ 65.623.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% / vốn điều lệ Công ty.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức: HTV góp vốn 65%, tương đương 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng chẵn)
- Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan: không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc)

° Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

° **Đại hội đồng cổ đông**: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.

° **Hội đồng Quản trị** gồm các thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện của Công ty quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2017, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và 04 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

° **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- Trình bày báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Và là nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.

° **Tổng Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm.
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.
- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước.
- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật
- ° **Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.
- ° **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:

Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc

1 / Ô. TRẦN VĂN QUỲNH, Tổng Giám đốc

Sinh ngày 18/08/1973

Địa chỉ: 1/2/21 D3 Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh.

3 / Ô. HOÀNG VIỆT, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 25.01.1961

Địa chỉ: 20 Chiêu Anh Các, Phường 5, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

3/ B.TRẦN THỊ LÝ, Trưởng phòng kế toán tài chính thống kê (bổ nhiệm ngày 01/02/2017)

Sinh ngày: 21/03/1976

Địa chỉ: F18 cư xá Nguyễn Đình Chiểu, P4, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động:

- *Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31/ 12/ 2017):*

Tổng số: 221 người, tăng 38 người so với năm 2016

Trong đó, chia ra:

Trực tiếp: 43 người, chiếm tỷ lệ 19.46%

Gián tiếp: 178 người, chiếm tỷ lệ 80.54%

Trong đó, chia ra:

- Trên đại học: 5 người, chiếm tỷ lệ 2.26%

- Đại học và Cao đẳng : 35 người, chiếm tỷ lệ 15.84%

- Trung học chuyên nghiệp: 7 người, chiếm tỷ lệ 3.17%
- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông: 172 người, chiếm tỷ lệ 78.73%

Các chính sách đối với người lao động:

➤ Chính sách tiền lương:

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Chính sách tiền thưởng:

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp cho CB- CNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công việc cho người lao động, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc, việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, HTV có một số biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh của HTV trong mắt khách hàng nội địa và hướng tới những đối tác nước ngoài:

- Thanh lý những sà lan cũ, trọng tải thấp, thải nhiều khí thải độc hại ra môi trường sống xung quanh.
- Đóng mới sà lan, sử dụng động cơ mới 100% với các chỉ tiêu đáp ứng tốt yêu cầu về khí thải theo các tiêu chuẩn của cục đăng kiểm.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các sà lan công ty, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sà lan có lỗi kỹ thuật, máy móc để đảm bảo các sà lan luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh.

VIII THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát:

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Chủ tịch HĐQT, (kể từ ngày 25/4/2016)
- Ô. Đỗ Văn Huân, Ủy viên HĐQT, thành viên HĐQT
- Ô. Phạm Văn Thông, Ủy Viên HĐQT, thành viên HDQT
- Ô. Phan Trọng Lập, Ủy Viên HĐQT, thành viên HĐQT (kể từ ngày 25/4/2016)

- Ông. Trần Văn Quỳnh, Ủy Viên HĐQT, thành viên kiêm TGD (thành viên HĐQT kể từ ngày 25/4/2016)

Ban Kiểm soát gồm:

- B. Nguyễn Thị Kim Dung, Trưởng ban, thành viên độc lập
- Ông. Phạm Thế Nghĩa, Ủy viên, thành viên độc lập
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên, thành viên độc lập

Căn cứ NQ HĐQT họp ngày 21 / 03 / 2016 v/v bổ nhiệm Ông Trần Văn Quỳnh là thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay thế Ông Đỗ Văn Huân kể từ ngày 21 /03 / 2016

Tóm tắt lý lịch Ông Trần Văn Quỳnh – Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày, tháng năm sinh : 18/8/1973

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 022977369 cấp ngày 21/11/2008 tại Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 1/2/21D3- P. 25- Quận Bình Thạnh - TPHCM

Điện thoại liên lạc : 0913.809.304

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ 4.1995 – 4.1997: Nhân viên đại lý hàng hải và giao nhận – Công ty Đại lý Dịch vụ hàng hải và Thương mại
- Từ 5.1997-7.2001: Nhân viên phòng cung ứng – Công ty Liên doanh Xi măng Sao Mai (hiện nay là Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam)
- Từ 7.2001 -5.2003: Nhân viên phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 5.2003-12.2004: Phó phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 01.2005 – 12.2008: Phó phụ trách phòng Vật tư – Thiết bị công trình Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

- Từ 01.2009-01.2011: Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị công trình Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 01.2011 – 4.2014: Trưởng phòng Vật tư – Chuỗi cung ứng Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 04.2014 – 6.2015: Trưởng phòng chiến lược phát triển và XD/CB Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ ngày 07.2015-02.2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.
- Từ ngày 03.2016 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 21/ 03/ 2017

- Cá nhân sở hữu: 0 cp, chiếm tỷ lệ 0,00% /VDL

2 Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2017 được tổng hợp như sau:

Ô. Nguyễn Tuấn Anh,	Chủ tịch HĐQT	120.000.000đ
Ô. Phạm Văn Thông,	Ủy viên HĐQT,	96.000.000 đ
Ô. Đỗ Văn Huân,	Ủy Viên HĐQT,	96.000.000 đ
Ô. Trần Văn Quỳnh,	Ủy viên HĐQT,	96.000.000 đ
Ô. Phan Trọng Lập,	Ủy viên HĐQT,	96.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Kim Dung,	Trưởng ban KS,	60.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Huệ,	Ủy Viên BKS	48.000.000 đ
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên BKS	48.000.000 đ
TỔNG CỘNG		660.000.000 đ

3 Cơ cấu vốn cổ đông:

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
----	--------------	------------------------------	----------------

1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam đại diện)	6.562361	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	6.541.639	49.92
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
	TỔNG CỘNG	13.104.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN



Trần Văn Quỳnh

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206.538.411.597	292.547.340.068
(100=110+120+130+140+150)				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.477.589.455	89.130.478.094
1-Tiền	111	V.01	8.477.589.455	12.630.478.094
2-Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	76.500.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	86.861.176.000	105.990.879.270
1-Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2-Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.129.703.270)	
3-Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	85.000.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.103.814.998	96.699.214.380
1-Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		89.451.954.496	82.840.187.377
2-Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		323.100.000	10.763.208.029
3-Phải thu ngắn hạn khác	136		2.266.639.889	3.830.231.419
4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(937.879.387)	(734.412.445)
IV.Hàng tồn kho	140		734.065.118	182.723.946
1-Hàng tồn kho	141	V.04	734.065.118	182.723.946
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		4.361.766.026	544.044.378
1-Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2-Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.361.766.026	544.044.378
3-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.05		
4-Tài sản ngắn hạn khác	158			
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.805.694.208	62.171.254.507
(200=210+220+240+250+260)				
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1-Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3-Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4-Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5-Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		157.805.694.208	60.068.733.997
1-Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	157.805.694.208	60.068.733.997

- Nguyên giá	222		261.392.368.499	146.544.633.347
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103.586.674.291)	(86.475.899.350)
2-Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3-Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12		255.717.727
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			255.717.727
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.000.000.000	1.500.000.000
1-Đầu tư vào công ty con	251		13.000.000.000	
2-Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3-Đầu tư , góp vốn vào đơn vị khác	258	V.13		1.500.000.000
4-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V.Tài sản dài hạn khác	260			346.802.783
1-Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		346.802.783
3-Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		377.344.105.805	354.718.594.575

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		56.664.238.741	37.262.038.441
I.Nợ ngắn hạn	310		56.664.238.741	37.262.038.441
1-Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	42.967.889.727	18.379.564.697
2-Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.774.032.136	1.188.501.146
4- Phải trả người lao động	314	V.16	5.530.000.222	6.882.811.347
5- Chi phí phải trả ngắn hạn	315		386.271.656	2.467.872.462
6-Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	935.320.070	1.002.094.920
7-Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
8-Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.070.724.930	7.341.193.869
II.Nợ dài hạn	330			

1-Phải trả dài hạn khác	337			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU 400=(410+430)	400		320.679.867.064	317.456.556.134
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	320.679.867.064	317.456.556.134
1-Vốn cổ phần:	411		131.040.000.000	131.040.000.000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2-Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
4-Cổ phiếu quỹ	415			
7-Quỹ đầu tư phát triển	418		114.353.432.657	109.522.730.952
10-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	421		22.215.651.075	23.823.041.850
LNST chưa phân phối lũy kế năm trước.	421a		1.197.239.414	1.197.239.414
LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.018.411.661	22.625.802.436
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1-Nguồn kinh phí	432	V.23		
2-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		377.344.105.805	354.718.594.575

2. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

CHỈ TIÊU	M S	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HỢP SXK D			
Lợi nhuận trước thuế	01	26.558.938.465	28.563.285.966
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.242.259.403	13.760.991.361
Các khoản dự phòng	03	4.333.170.212	697.257.371
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.175.074.584)	(6.491.376.984)
Chi phí lãi vay	06	18.366.667	
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.977.660.163	36.530.157.714
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.780.720.997)	87.117.319.045
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(551.341.172)	136.033.269
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TN)	11	14.065.015.975	(3.785.915.795)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.366.667)	
Thuế thu nhập đã nộp	14	(4.649.766.198)	(8.961.283.843)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.340.769.670)	(2.244.861.095)
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ hoạt động KD	20	34.701.711.434	108.791.449.295
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(98.220.013.227)	(248.958.636)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(107.138.263.889)	(85.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	122.138.263.889	14.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.000.000.000)	(1.244.450.480)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.092.074.584	3.555.044.718
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỪ HĐ ĐẦU TƯ	30	(84.627.938.643)	(68.938.364.398)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của DN	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	76.000.000.000	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.000.000.000)	
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.726.661.430)	(13.102.132.300)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HĐ TÀI CHÍNH	40	(15.726.661.430)	(13.102.132.300)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(65.652.888.639)	26.750.952.597
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	89.130.478.094	62.379.525.497
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.477.589.455	89.130.478.094

3 .KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu thuần	10	17.1	181.181.923.616	185.502.431.387
2. Giá vốn hàng bán	11		(144.036.748.026)	(146.390.411.573)
3. Lợi nhuận gộp	20		37.145.175.590	39.112.019.814
4. Doanh thu HĐ tài chính	21	17.2	8.175.074.584	6.491.376.984
5. Chi phí tài chính	22	18	(4.148.069.937)	
Trong đó: Lãi vay phải trả			(18.366.667)	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	(15.182.975.485)	(17.776.300.824)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		25.989.204.752	27.827.095.974
8.Thu nhập khác	31	19	2.143.219.689	833.695.000
9. Chi phí khác	32	19	(1.573.485.976)	(97.505.008)
10. Lợi nhuận khác	40	19	569.733.713	736.189.992
11. Tổng LN kế toán trước thuế	50		26.558.938.465	28.563.285.966
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	(5.193.724.021)	(6.284.286.313)
13. Thuế TNDN hoãn lại			(346.802.783)	346.802.783
14. LN sau thuế TNDN (60=50-51)	60		21.018.411.661	22.625.802.436
15.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15.4	1.490	1.541
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	15.4	1.490	1.541

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (gọi tắt là Công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2017 là năm tài chính thứ 18 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH: SỐ NĂM

Nhà cửa, vật kiến trúc:	5-10 năm
Máy móc thiết bị:	6 năm
Phương tiện vận tải bộ:	6 năm
Phương tiện vận tải thủy:	10 năm
Thiết bị văn phòng:	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này .
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.
- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng

1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	764.717.415	13.115.962
Tiền gửi ngân hàng	7.712.872.040	12.617.362.132
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>15.000.000.000</u>	<u>76.500.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.477.589.455</u>	<u>89.130.478.094</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân từ 4.2% đến 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh						
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	(4.129.703.270)	16.861.176.000	20.990.879.270	-	22.228.560.000

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Sài Gòn	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	70.000.000.000	70.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động 6,8%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	7. VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	13.000.000.000	-	13.000.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000

6.1 Đầu tư góp vốn vào công ty con

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Tên Công ty						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	<u>13.000.000.000</u>	65	65	<u>-</u>	-	-

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (*)	-	-	5

(*) Vào ngày 22 tháng 2 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, bên liên quan của Công ty.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	72.613.382.370	72.961.162.680
Phải thu từ khách hàng khác	16.838.572.126	9.879.024.697
TỔNG CỘNG	89.451.954.496	82.840.187.377
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(937.879.387)	(734.412.445)
GIÁ TRỊ THUẦN	88.514.075.109	82.105.774.932

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	734.412.445	118.064.829
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	203.466.942	734.412.445
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(118.064.829)
Số cuối năm	937.879.387	734.412.445

7.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đức Long Sài Gòn	250.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền	-	9.930.000.000
Các nhà cung cấp khác	73.100.000	833.208.029
TỔNG CỘNG	323.100.000	10.763.208.029

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu	1.200.000.000	3.117.000.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	390.000.000	410.000.000
Phải thu khác	676.639.889	303.231.419
TỔNG CỘNG	2.266.639.889	3.830.231.419

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải đường thủy</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.267.622.014	141.241.618.016	3.035.393.317	146.544.633.347
Mua mới	303.712.542	-	602.250.000	905.962.542
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	114.073.257.072	-	114.073.257.072
Thanh lý	(131.484.462)	-	-	(131.484.462)
Phân loại lại	-	358.003.389	(358.003.389)	-
Số cuối năm	<u>2.439.850.094</u>	<u>255.672.878.477</u>	<u>3.279.639.928</u>	<u>261.392.368.499</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.136.137.552	20.503.401.603	1.237.917.201	23.877.456.356
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.267.622.014)	(82.165.098.800)	(2.043.178.536)	(86.475.899.350)
Khấu hao trong năm	(29.718.105)	(16.931.670.325)	(280.870.973)	(17.242.259.403)
Thanh lý	131.484.462	-	-	131.484.462
Phân loại lại	-	(358.003.389)	358.003.389	-
Số cuối năm	<u>(2.165.855.657)</u>	<u>(99.454.772.514)</u>	<u>(1.966.046.120)</u>	<u>(103.586.674.291)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>-</u>	<u>59.076.519.216</u>	<u>992.214.781</u>	<u>60.068.733.997</u>
Số cuối năm	<u>273.994.437</u>	<u>156.218.105.963</u>	<u>1.313.593.808</u>	<u>157.805.694.208</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	688.282.785	164.899.443
Công cụ, dụng cụ	45.782.333	17.824.503
TỔNG CỘNG	734.065.118	182.723.946

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	42.471.206.613	17.891.441.573
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	15.161.746.166	8.066.247.872
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền	5.945.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	4.606.193.145	2.062.913.322
- Phải trả đối tượng khác	16.758.267.302	7.762.280.379
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	496.683.114	488.123.124
TỔNG CỘNG	42.967.889.727	18.379.564.697

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ cấn trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.101.146	5.193.724.021	(4.649.766.198)	1.715.058.969
Thuế giá trị gia tăng	-	19.080.740.233	(19.080.740.233)	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.400.000	613.786.688	(572.213.521)	58.973.167
TỔNG CỘNG	1.188.501.146	24.888.250.942	(24.302.719.952)	1.774.032.136

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	104.000.000	-
Chi phí vận chuyển	95.908.020	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	2.292.498.643
Chi phí khác	186.363.636	175.373.819
TỔNG CỘNG	386.271.656	2.467.872.462

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	1.440.770	3.302.200
Nhận ký quỹ, ký cược	362.000.000	241.982.997
Kinh phí công đoàn	193.266.094	285.596.314
Các khoản phải trả, phải nộp khác	378.613.206	471.213.409
TỔNG CỘNG	935.320.070	1.002.094.920

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.341.193.869	3.667.394.126
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh 16.1</i>)	2.070.300.731	5.918.660.838
Sử dụng quỹ trong năm	(4.340.769.670)	(2.244.861.095)
Số cuối năm	5.070.724.930	7.341.193.869

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	93.984.522.332	35.758.108.872	313.853.414.536
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.625.802.436	22.625.802.436
Cổ tức công bố	-	-	-	(13.104.000.000)	(13.104.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	15.538.208.620	(15.538.208.620)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.918.660.838)	(5.918.660.838)
Số cuối năm	<u>131.040.000.000</u>	<u>53.070.783.332</u>	<u>109.522.730.952</u>	<u>23.823.041.850</u>	<u>317.456.556.134</u>
Năm nay					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.018.411.661	21.018.411.661
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
Số cuối năm	<u>131.040.000.000</u>	<u>53.070.783.332</u>	<u>114.353.432.657</u>	<u>22.215.651.075</u>	<u>320.679.867.064</u>

16.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

16.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	15.724.800.000	13.104.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	15.726.661.430	13.102.132.300

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu vận tải đường thủy	166.769.940.986	175.937.894.404
Doanh thu vận tải đường bộ	9.052.909.249	8.640.240.567
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.873.561.089	-
Doanh thu bán buôn xi măng	2.270.966.843	-
Doanh thu cho thuê kho	1.214.545.449	924.296.416
TỔNG CỘNG	181.181.923.616	185.502.431.387
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	130.712.709.193	142.803.076.906
Doanh thu đối với các bên khác	50.469.214.423	42.699.354.481

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước

Lãi tiền gửi	7.090.754.584	6.491.376.984
Cổ tức nhận được	1.084.320.000	-
TỔNG CỘNG	8.175.074.584	6.491.376.984
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
		VND
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4.129.703.270	-
Chi phí lãi vay	18.366.667	-
TỔNG CỘNG	4.148.069.937	-
19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
		VND
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	6.959.026.408	5.967.605.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.941.840.275	6.860.228.370
Chi phí khấu hao tài sản	310.589.078	244.883.596
Chi phí khác	4.971.519.724	4.703.583.041
TỔNG CỘNG	15.182.975.485	17.776.300.824
20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
		VND
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.143.219.689	833.695.000
Phạt vi phạm hợp đồng	2.098.810.320	802.340.000
Khác	44.409.369	31.355.000
Chi phí khác	(1.573.485.976)	(97.505.008)
Các khoản phạt	(1.573.485.976)	(97.505.008)
Giá TRỊ THUẦN	569.733.713	736.189.992

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.358.227.699	104.657.394.172
Chi phí nhân viên	33.442.578.197	32.507.660.835
Chi phí khấu hao tài sản (Thuyết minh số 9)	17.242.259.403	13.760.991.361
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	15.079.294.999	11.165.875.498
Chi phí khác	5.097.363.213	2.074.790.531
TỔNG CỘNG	159.219.723.511	164.166.712.397

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

Trong năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.193.724.021	6.178.960.978
Điều chỉnh thuế nộp thiếu của những năm trước	-	105.325.335
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	346.802.783	(346.802.783)
TỔNG CỘNG	5.540.526.804	5.937.483.530

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.558.938.465	28.563.285.966
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.311.787.693	5.712.657.193
<i>Các điều chỉnh:</i>		

Chi phí không được trừ	445.603.111	119.501.002
Cổ tức nhận được	(216.864.000)	-
Điều chỉnh thuế nộp thiếu của những năm trước	-	105.325.335
Chi phí thuế TNDN ước tính	5.540.526.804	5.937.483.530

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

22.3 Thuế TNDN hoãn lại

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	346.802.783	(346.802.783)	346.802.783
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	346.802.783		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(346.802.783)	346.802.783

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Mua hàng hóa	97.774.318.238 1.828.233.000	122.477.748.273 -

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

296 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

		Chuyển nhượng khoản đầu tư Cổ tức nhận được	1.500.000.000 1.084.320.000	- -
		Chi phí tiện ích Đặt cọc	5.096.320 -	221.084.640 500.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Thu tiền phạt Chi phí vận chuyển	21.817.654.268 2.098.810.320 656.695.040	16.275.638.194 - -
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Cổ tức công bố Phí tư vấn Thanh toán hộ	7.874.833.200 905.909.617 -	6.562.361.000 922.890.674 500.000.000
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	11.120.736.687	4.049.690.439
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi tiền gửi có năm hạn	-	325.722.223

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng Quản trị	504.000.000	504.000.000
Ban Tổng Giám đốc	696.000.000	555.140.615
Ban Kiểm soát	156.000.000	156.000.000
	<u>1.356.000.000</u>	<u>1.215.140.615</u>

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ

phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	65.003.923.021	68.319.356.848
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	680.257.167	2.203.202.015
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.929.202.182	2.438.603.817
			<u>72.613.382.370</u>	<u>72.961.162.680</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</i>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	496.683.114	477.046.020
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích	-	11.077.104
			<u>496.683.114</u>	<u>488.123.124</u>

24. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

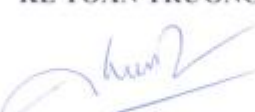
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.561.193.280	1.642.147.140
Từ 1 đến 5 năm	1.171.690.480	2.278.522.255
TỔNG CỘNG	2.732.883.760	3.920.669.395

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ LÝ


TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN QUỲNH